IPA PARTNER

BÁO CÁO THÁNG 05/2026

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU LINH HOẠT VND

VNDCF

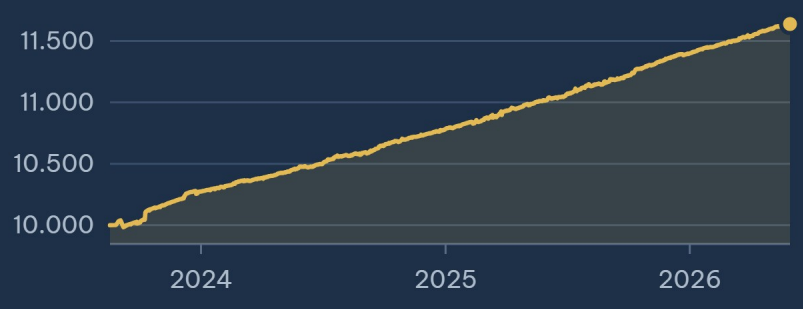
Giá chứng chỉ quỹ (NAV/CCQ) ngày 31/05/2026

11.637,93 VND

+16,38%
từ khi thành lập (18/08/2023)

+2,12%
từ đầu năm 2026

Giá CCQ từ khi thành lập (VND)



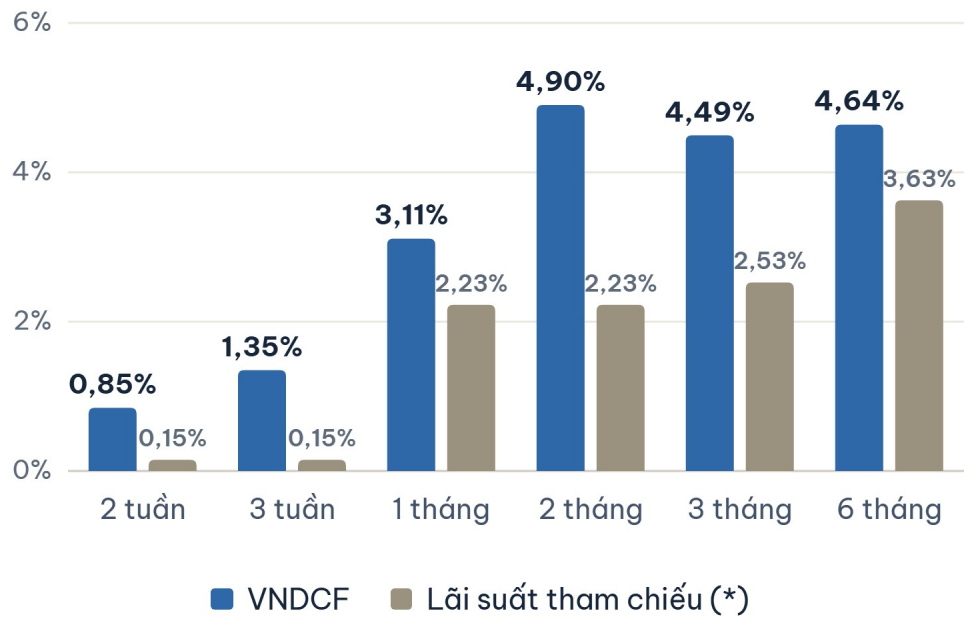
Hiệu quả đầu tư thực tế

Kỳ hạn	2 tuần	3 tuần	1 tháng	2 tháng	3 tháng	6 tháng
NAV/CCQ (VND)	11.622,48	11.617,16	11.595,27	11.530,64	11.494,40	11.360,15
Tăng trưởng NAV/CCQ	0,13%	0,18%	0,37%	0,93%	1,25%	2,45%
Phí bán	0,00%	0,00%	0,00%	0,00%	0,00%	0,00%
Thuế thu nhập cá nhân	0,10%	0,10%	0,10%	0,10%	0,10%	0,10%
Lợi suất của NĐT (sau khi trừ thuế và phí)	0,03%	0,08%	0,27%	0,83%	1,15%	2,35%
Lợi suất của NĐT quy năm (sau khi trừ thuế và phí)	**0,85%**	**1,35%**	**3,11%**	**4,90%**	**4,49%**	**4,64%**
Lãi suất tham chiếu (*)	0,15%	0,15%	2,23%	2,23%	2,53%	3,63%

(*) Lãi suất tiết kiệm theo năm trung bình của 4 NH TMCP nhà nước

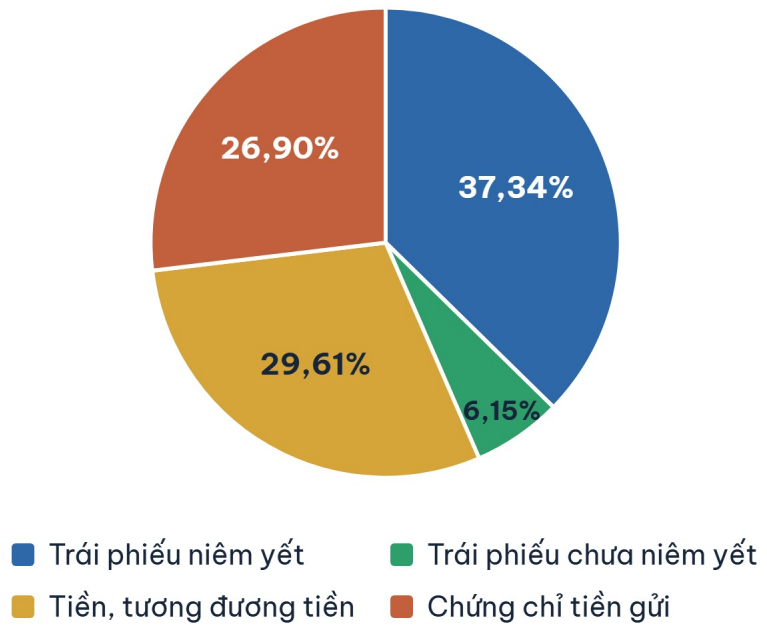
So với lãi suất tham chiếu

Lợi suất của NĐT theo năm, sau khi trừ thuế và phí



Phân bổ tài sản

Tỷ trọng tại ngày 31/05/2026



5 khoản đầu tư lớn nhất

Tổng tỷ lệ nắm giữ: **44,63%**

1	**CVT122009** Công ty Cổ phần CMC Trái phiếu niêm yết	13,83%
2	**HCVN-CD20-2025** Công ty Tài chính TNHH MTV Home Credit Việt Nam Chứng chỉ tiền gửi	11,53%
3	**MML121021** Công ty Cổ phần Masan Meatlife Trái phiếu niêm yết	7,74%
4	**NLG12501** Công ty Cổ phần Đầu tư Nam Long Trái phiếu chưa niêm yết	6,15%
5	**EVFCO1125004** Công ty Tài chính Tổng hợp Cổ phần Điện lực Chứng chỉ tiền gửi	5,38%

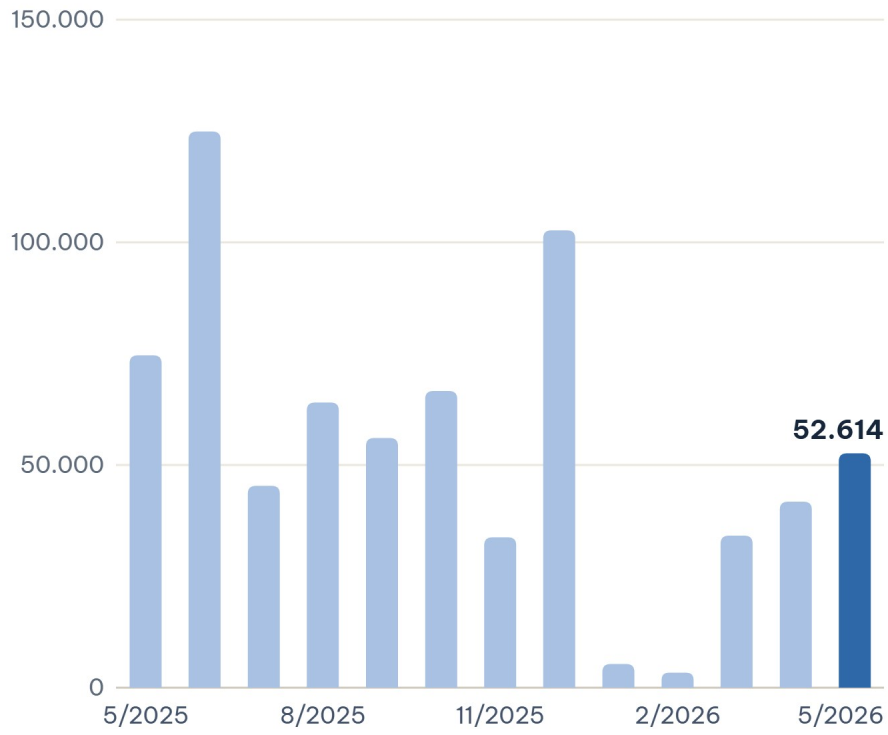
QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU LINH HOẠT VND

Thị trường trái phiếu doanh nghiệp

Giá trị phát hành	Mua lại trước hạn	TPDN riêng lẻ	Đáo hạn T6–T12/2026
52.614 tỷ đồng	**39.677** tỷ đồng	**120.129** tỷ đồng	**141,9** nghìn tỷ
▲ 26,0% MoM	▲ 30,8% MoM	BQ 6.006 tỷ/phiên	Giá trị ước tính
▼ 29,5% YoY	▲ 82,5% YoY	▼ 8,3% so với BQ tháng 4	Chậm trả T5: 2 mã · 213 tỷ

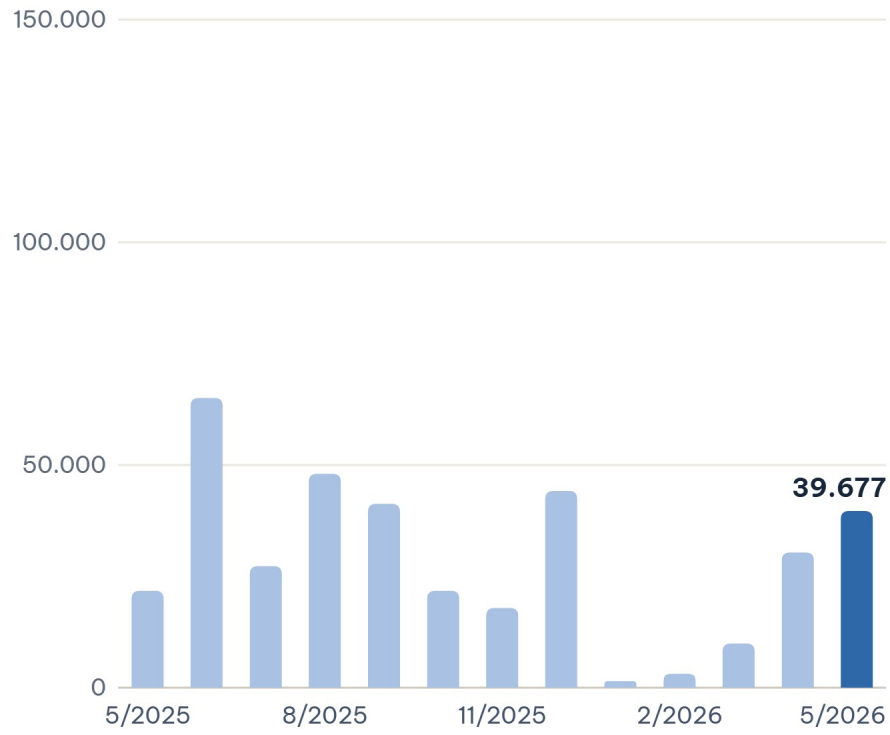
Phát hành

Theo tháng · tỷ đồng



Mua lại trước hạn

Theo tháng · tỷ đồng



Theo ngành · lũy kế 5T/2026 (tỷ đồng)		**137.185**	
Tổ chức tín dụng		62.357	**45,5%**
Bất động sản		56.585	**41,2%**
KD chứng khoán		3.139	**2,3%**
Sản xuất		2.197	**1,6%**
Năng lượng		2.103	**1,5%**
Xây dựng		1.525	**1,1%**
Thương mại, dịch vụ		1.000	**0,7%**
Lĩnh vực khác		8.280	**6,0%**

Theo ngành · lũy kế 5T/2026 (tỷ đồng)		**84.521**	
Tổ chức tín dụng		68.770	**81,4%**
Bất động sản		13.203	**15,6%**
KD chứng khoán		1.041	**1,2%**
Sản xuất		422	**0,5%**
Xây dựng		209	**0,2%**
Thương mại, dịch vụ		7	**0,0%**
Năng lượng		0	**0,0%**
Lĩnh vực khác		870	**1,0%**

Nhận định thị trường tháng 05/2026

Nguồn: VBMA, HNX, SSC

Theo dữ liệu tổng hợp từ VBMA, HNX và SSC; tháng 5/2026 ghi nhận 52 đợt phát hành TPDN (trong đó 46 đợt phát hành là trái phiếu riêng lẻ, 6 đợt phát hành trái phiếu ra công chúng) với tổng giá trị phát hành 52.614 tỷ (tăng 26,0% so với tháng trước và giảm 29,5% so với cùng kỳ năm trước). Nhóm Tổ chức tín dụng phát hành nhiều nhất với 33.000 tỷ trái phiếu (chiếm 62,7% tổng giá trị phát hành TPDN toàn thị trường) với mức lãi suất bình quân 8,56%/năm, kỳ hạn bình quân ~ 4,83 năm. Tiếp đến là nhóm Bất động sản đã phát hành 15.380 tỷ trái phiếu với lãi suất phát hành bình quân 12,49% ~ kỳ hạn bình quân 2,98 năm. Luỹ kế 5 tháng năm 2026, TPDN đã phát hành thành công khoảng 137 nghìn tỷ.

Theo dữ liệu tổng hợp gần nhất từ HNX, các doanh nghiệp đã thực hiện mua lại trước hạn 39.677 tỷ đồng trái phiếu trong tháng 5/2026 (tăng 30,79% so với tháng trước và tăng 82,5% so với cùng kỳ năm trước). Tổ chức tín dụng là nhóm mua lại trước hạn trái phiếu nhiều nhất trong tháng 5 với 37.193 tỷ, chiếm đến 93,7% tổng giá trị trái phiếu mua lại trước hạn. Lũy kế 5 tháng năm 2026, đã có 85 nghìn tỷ TPDN mua lại trước hạn.

Trên thị trường thứ cấp, tổng giá trị giao dịch TPDN riêng lẻ trong tháng 5/2026 đạt 120.129 tỷ đồng, bình quân đạt 6.006 tỷ đồng/phiên, giảm 8,3% so với bình quân tháng 4/2026.

Trong 7 tháng còn lại của năm 2026, giá trị đáo hạn ước tính là 141.908 tỷ đồng. Về tình hình công bố thông tin bất thường, có 2 mã trái phiếu chậm trả lãi, gốc trị giá 125 tỷ gốc và 87,99 tỷ lãi trong tháng 5.